

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 18/12/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 21 tháng 03 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 26/7/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 18/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-KDTM ngày 10/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-KDTM ngày 09/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-KDTM ngày 28/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Th Việt Nam.

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận H K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn L – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C th Việt Nam – Chi nhánh Nh Ch (nay tên là: Chi nhánh Đ H D), địa chỉ: Khu 2, thị trấn Ph Th, huyện K M, tỉnh Hải Dương. Ông L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên H H.

Địa chỉ: Số 6, tổ 8, khu 2 phường Q Tr, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh.

Chủ sở hữu đồng thời là giám đốc - đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Sinh H, sinh năm 1944, trú tại số 06, tổ 8, khu 2, phường Q Tr, U B, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/8/2018).

Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Phúc H, trú tại tổ 8, khu 2, phường Q Tr, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh (theo giấy ủy quyền số 03 ngày 10/8/2018), vắng mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Việt H**, thường trú tại tổ 4, khu 4, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;
2. Bà **Ngô Thị H**, thường trú tại tổ 4, khu 4, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;
3. Ông **Lê Mạnh Q**, thường trú tại khu 4, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;
4. Bà **Nguyễn Thị Th**, thường trú tại tổ 1, khu 3, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;
5. Ông **Hoàng Văn D**, thường trú tại tổ 16, khu 1, phường B Đ, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh (nơi ở hiện nay: tổ 3, khu 6B, phường H H, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa;
6. Bà **Bùi Thị Thúy M**, thường trú tại tổ 16, khu 1, phường B Đ, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh (nơi ở hiện nay: tổ 77A, khu 5B, phường B Đ, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh), vắng mặt tại phiên tòa;
7. Ông **Ngô Kháng H** thường trú tại tổ 10, khu 6, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;
8. Bà **Bùi Thị M**, thường trú tại tổ 10, khu 6, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 31/10/2012, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H H (Sau đây gọi tắt là “Công ty H H”) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD vay vốn với Ngân hàng TMCP C th Việt Nam – Chi nhánh Nh Ch (nay tên là: Chi nhánh Đ H D), (Sau đây gọi tắt là “Vtb”), mục đích là vay vốn để kinh doanh than, clinker, hạn mức cho vay là 10.000.0000.0000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất được áp dụng theo phương thức thả nổi, được xác định định kỳ 01 tháng/ 01 lần và ngày xác định là ngày mùng 09 hàng tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 13%/ năm. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về lãi phạt quá hạn trong trường hợp Công ty H H để phát sinh nợ gốc quá hạn, Công ty H H sẽ phải thanh toán lãi phạt quá hạn tính trên số dư nợ gốc quá hạn và thời gian quá hạn của khoản vay, lãi suất này bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tại điều 3.6 hợp đồng, hai bên còn thỏa thuận về phạt chậm trả lãi, cụ thể nếu Công ty H H để phát sinh nợ lãi quá hạn thì phải thanh toán tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của khoản vay với số tiền phạt được tính theo công thức:

Số tiền phạt = (150% lãi suất cho vay trong hạn) x (Thời gian quá hạn trả lãi) x (Số dư lãi chậm trả).

Tuy nhiên số tiền phạt này tối đa không quá 5% số tiền lãi chậm trả, tối thiểu là 10.000 đồng.

Sau đó hai bên đã ký các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng vào các ngày 20/3/2013; 25/4/2013; 07/5/2013; 04/6/2013; 07/11/2013; 14/12/2013. Hạn mức cho vay được tăng lên là 15.000.000.0000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, những người có quyền lợi nghĩa vụ đã thế chấp các tài sản như sau:

1. Quyền sử dụng đất đối với 120m² đất tại ô số 116, khu TĐC đôi Đ V, phường Th S, thành phố U B, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận số AE 982934 do Ủy ban nhân dân thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 06/02/2007 mang tên Nguyễn Việt H và Ngô Thị H, tài sản gắn liền trên đất là nhà hai tầng, xây dựng theo kiểu dáng biệt thự sân vườn, tổng diện tích xây dựng là 165,6m²;

2. Quyền sử dụng đất đối với 423m² đất tại thôn Đ Th, xã Th A, huyện Đ Tr, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận số AD 335938 do UBND huyện Đ Tr (nay là thị xã Đ Tr) cấp ngày 04/11/2009 mang tên Nguyễn Việt H và Ngô Thị H;

3. Quyền sử dụng đất đối với 120m² đất tại ô 133, khu TĐC đôi Đ V, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận số AE 982970 do UBND thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 12/3/2007 mang tên Lê Mạnh Q;

4. Quyền sử dụng đất đối với 1.804,3m² đất tại tổ 3, khu 3, phường ThS, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận số Đ 750185 do Ủy ban nhân dân thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 09/6/2004 mang tên Nguyễn Thị Th;

5. Quyền sử dụng đất đối với 454,1m² đất tại khu C Tr, phường Đ Y, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận số BG 476801 do Ủy ban nhân dân thành phố H L cấp ngày 12/3/2012 mang tên Bùi Thị Thúy M;

6. Quyền sử dụng đất đối với 845m² tại tổ 10, khu 7, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận số V 079218 do Ủy ban nhân dân thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 24/6/2002 mang tên Ngô Kháng H.

Thực hiện hợp đồng Vtb đã giải ngân cho Công ty H H theo nội dung hợp đồng, tổng số tiền cho vay là 15.000.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình kinh doanh, Công ty H H gặp khó khăn về thị trường đầu ra dẫn đến kinh doanh thua lỗ, không trả được nợ dẫn đến nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/12/2018, tổng dư nợ của Công ty H H là:

- Tổng dư nợ gốc là 9.352.000.000 đồng;
 - Lãi cộng dồn là 5.383.552.625 đồng;
 - Lãi phạt là 2.451.858.489 đồng;
- Tổng cộng là 17.187.411.114 đồng.

Mặc dù Vtb đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty H H trả nợ nhưng Công ty H H vẫn không trả được nợ.

Vì vậy, Vtb khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

1) Yêu cầu Công ty H H trả nợ cho Vtb theo hợp đồng đã ký kết, số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 18/12/2018 tổng cộng là 17.187.411.114 đồng và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 19/12/2018 cho đến ngày Công ty H H thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

2) Buộc bên thứ ba có tài sản thế chấp nêu trên thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp với Vtb.

3) Trường hợp bị đơn và các bên có nghĩa vụ liên quan không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trên, đề nghị Tòa án giải quyết cho Vtb được phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng Vtb vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện.

Đại diện Công ty H H là ông Nguyễn Sinh H có lời khai trình bày: Ông là giám đốc và là người đại diện pháp luật của bị đơn, tuy nhiên mọi hoạt động kinh doanh của Công ty H H là do con trai ông là anh Nguyễn Việt H điều hành, ông chỉ đứng tên trên giấy tờ và không biết thông tin cụ thể gì.

Chủ sở hữu Công ty H H (trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/8/2018) và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Việt H có lời khai trình bày: ông H là chủ sở hữu Công ty H H, trước đây Công ty có vay vốn của Vtb để kinh doanh khoáng sản, tuy nhiên do hoạt động kinh doanh khó khăn nên Công ty H H không có tiền trả nợ ngân hàng. Số liệu tiền nợ 15.902.380.447 đồng ông không nhất trí và đề nghị Vtb làm rõ phần nợ đã trả và hiện nay nợ gốc, lãi, lãi phạt còn bao nhiêu trên giá trị tài sản bảo đảm đang thế chấp. Đối với yêu cầu bên thế chấp trả nợ thay của Vtb ông H đồng ý nếu có thỏa thuận giữa ba bên. Về xử lý tài sản thế chấp ông H đề nghị giữ lại 03 tài sản của ông H, bà M, tài sản của ông Q và tài sản của ông H, bà H tại thành phố U B, còn lại đồng ý xử lý theo quy định. Ông H cũng đề nghị nguyên đơn xóa các khoản tiền lãi, lãi phạt. Về án phí và chi phí tố tụng ông H đề nghị mỗi bên chịu một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị H có lời khai trình bày: vào thời điểm thế chấp tài sản, bà H là vợ ông H, vì tạo điều kiện và tin tưởng chồng nên bà đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản với Vtb, nay bà không đồng ý trả nợ thay bị đơn, bà yêu cầu định giá lại tài sản thế chấp vì theo bà số tiền Vtb cho vay là vượt quá giá trị thực của tài sản thế chấp, ngoài ra bà đề nghị nguyên đơn giãn thời gian và kéo dài thời gian trả nợ trong vòng 05 năm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Mạnh Q có lời khai trình bày: ông không đồng ý trả nợ thay bị đơn, ông yêu cầu Công ty H H phải trả lại tài sản thế chấp đã mượn của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th, ông Hoàng Văn D và ông Ngô Kháng H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến tòa án làm việc, không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Thúy M có lời khai trình bày: bà M thừa nhận có thế chấp tài sản của mình cho Vtb để đảm bảo khoản vay của Công ty H H, tuy nhiên bà không đồng ý trả nợ thay bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị M có lời khai trình bày: bà và chồng là ông Ngô Kháng H có thế chấp tài sản của mình cho Vietinbank để đảm bảo khoản vay của Công ty H H, tuy nhiên bà không thấy ngân hàng thẩm định tài sản là bao nhiêu, cho vay bao nhiêu, theo bà cán bộ ngân hàng đã tự ý nâng khống giá trị tài sản để giá trị vay được lớn, đến nay đối với việc đòi nợ của nguyên đơn, quan điểm của

bà là đề nghị bỏ toàn bộ phần lãi và giảm một phần nợ gốc để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Bà cũng không chấp nhận trả nợ thay bị đơn và không đồng ý phát mại tài sản thế chấp. Về án phí và chi phí tố tụng bà đề nghị nguyên đơn phải chịu.

Tại phiên hòa giải ngày 18/4/2018, chủ sở hữu Công ty H H là ông Nguyễn Việt H trình bày: ông H đề nghị không phát mại 03 tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số AE 982934 do UBND thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 06/02/2007 mang tên Nguyễn Việt H và Ngô Thị H; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số AE 982970 do UBND thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 12/03/2007 mang tên ông Lê Mạnh Q; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số V079218 do UBND thị xã U B (nay là thành phố U B) cấp ngày 24/6/2002 mang tên ông Ngô Kháng H.

Ông H đề nghị định giá lại ba tài sản trên, đề nghị cho bị đơn trả nợ dần trong 05 năm đối với khoản nợ thế chấp bằng tài sản mang tên H, H và ông H, đối với tài sản thế chấp mang tên ông Q đề nghị trả lại ông Q trong thời gian 60 ngày kể từ ngày hòa giải, ngoài ra ông H đề nghị nguyên đơn xóa toàn bộ lãi và lãi phạt đến thời điểm hòa giải, số liệu dư nợ đề nghị nguyên đơn làm rõ, còn về tài sản thế chấp còn lại đề nghị xử lý theo pháp luật.

Bà Ngô Thị H, ông Lê Mạnh Q, bà Bùi Thị M có mặt tại phiên hòa giải đồng ý với ý kiến của ông H.

Tại phiên hòa giải đại diện nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của ông H.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Phúc H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Việt H; bà Ngô Thị H; ông Lê Mạnh Q; bà Nguyễn Thị Th; ông Hoàng Văn D; bà Bùi Thị M và ông Ngô Kháng H, mặc dù đã được tòa án tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, quyết định đưa ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tại phiên tòa:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại của BLTTDS. Việc xác định đúng và đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Các hoạt động thu thập chứng cứ như lấy lời khai đương sự, xem xét thẩm định tại chỗ, ủy thác thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 98, 101, 105, 106 BLTTDS. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đảm bảo đúng quy định, do các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 BLTTDS, việc lập hồ sơ vụ án đúng quy định. Các văn bản tố tụng và hồ sơ chuyển giao Viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản cho các đương sự đúng qui định, thời hạn.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

Trong vụ án này, các đương sự gồm nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C th Việt Nam đại diện của nguyên đơn; bị đơn là Công ty TNHH MTV H H và đại diện của bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 86 BLTTDS.

Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD ngày 31/10/2012 được ký kết giữa nguyên đơn là Vtb - chi nhánh Nh Ch (nay là chi nhánh Đ H D) với bị đơn là Công ty H H là hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, đúng quy định của pháp luật, có giá trị thực hiện và thực tế đã được thực hiện. Hợp đồng này được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp thông qua các hợp đồng thế chấp đã ký kết đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiến hành giải ngân đúng quy định và thực hiện trình tự thủ tục thông báo thu hồi nợ theo quy định. Nhưng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả được nợ và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ các điều khoản hợp đồng; Điều 357, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 668 BLDS 2015, khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vtb: Buộc bị đơn là Công ty H H phải trả cho Vtb số tiền nợ gốc 9.352.000.000đ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với các hợp đồng thế chấp đều đã được ký kết, thực hiện theo quy định của pháp luật nên trong trường hợp Công ty H H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, căn cứ khoản 1 Điều 339, điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015, mục 3 Công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mại tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP C th Việt Nam khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH một thành viên H H thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên H H phải trả cho Ngân hàng Vtb theo hợp đồng đã ký kết, số tiền dư nợ tính đến ngày 18/12/2018 là: 17.187.411.114 đồng (trong đó nợ gốc 9.352.000.000 đồng; tiền lãi 5.383.552.625; lãi phạt (nợ gốc quá hạn) 2.451.858.489 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí khác phát sinh từ ngày 19/12/2018 cho đến khi Công ty TNHH một thành viên H H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức nêu;

2. Buộc bên thứ ba có tài sản thế chấp nêu trên thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp với Vtb;

3. Trường hợp bị đơn và các bên có nghĩa vụ liên quan không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trên, đề nghị Tòa án giải quyết cho Vtb được phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay theo pháp luật. Xét các yêu cầu của Ngân hàng TMCP C th Việt Nam trên thì thấy:

[2.1.1] Đối với Hợp đồng tín dụng theo phương thức hạn mức số 12.10.0032/HĐTD ngày 31/10/2012, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 01/VBSĐBS ngày 20/3/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 02/VBSĐBS ngày 25/4/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 03/VBSĐBS ngày 07/5/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 04/VBSĐBS ngày 04/6/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng 12.10.0032/HĐTD, số 05/VBSĐBS ngày 07/11/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 06/VBSĐBS ngày 14/12/2013, giữa Ngân hàng TMCP C th Việt Nam với Công ty TNHH một thành viên H H là có căn cứ và đúng pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng và các Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Vtb đã giải ngân số tiền là 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng), thời hạn vay là 06 tháng theo từng giấy nhận nợ và giấy nhận nợ cuối cùng là ngày 07/01/2014. Như vậy, khoản vay của Công ty TNHH một thành viên H H đến ngày 07/7/2014 đã hết thời hạn trả toàn bộ khoản vay nên khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu buộc Công ty TNHH một thành viên H H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng năm 2013, do Công ty TNHH một thành viên H H đã trả được một phần nợ gốc số tiền là 5.648.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải chấp một số tài sản thế chấp và đã gia hạn thời hạn duy trì hạn mức cho vay cho Công ty H H đến ngày 05/3/2014 thay vì

ngày 31/10/2013, nhưng kể từ đó đến nay, khoản vay phát sinh nợ quá hạn gốc và lãi liên tiếp. Sau rất nhiều lần đôn đốc, Công ty không trả được hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, số tiền thanh toán không đủ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khoản vay vẫn bị quá hạn liên tiếp. Việc Công ty TNHH một thành viên H H không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng theo hạn mức đã ký kết.

[2.1.2] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.A032/HTĐC ngày 29/10/2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.A032/HTĐC, ngày 29/10/2012, số 01/VBSĐBS ngày 22/3/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.C032/HTĐC ngày 29/10/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1310.I005/HTĐC ngày 10/4/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.D032/HTĐC ngày 29/10/2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.D032/HTĐC ngày 29/10/2012, số 01/VBSĐBS ngày 22/3/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.F032/HTĐC ngày 27/12/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1310.F005/HTĐC ngày 07/5/2013, giữa Ngân hàng TMCP C th Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên H H. Các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký việc thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hợp đồng trên các bên đương sự tự nguyện ký kết theo sự thỏa thuận của các bên, các hợp đồng đã có hiệu lực và được các bên triển khai thực hiện. Nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.1.3] Đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn (lãi phạt) trên, Hội đồng xét xử thấy Ngân hàng đã tính đúng và đủ theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng theo hạn mức kèm theo giấy nhận nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời cần buộc Công ty TNHH một thành viên H H tiếp tục phải trả lãi các khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 19/12/2018 cho đến khi Công ty TNHH một thành viên H H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo hạn mức đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu đến hết ngày 18/12/2018 Công ty TNHH một thành viên H H phải trả nợ Ngân hàng Vtb tổng số là: 17.187.411.114 đồng (trong đó nợ gốc 9.352.000.000 đồng; tiền lãi 5.383.552.625 đồng; lãi phạt (lãi phạt phần nợ gốc quá hạn) 2.451.858.489 đồng) và sẽ chịu toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí khác phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi Công ty TNHH một thành viên H H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Buộc bên thứ ba có tài sản thế chấp nêu trên thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp với Vtb. Trường hợp bị đơn và các bên có nghĩa vụ liên quan không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trên, đề nghị Tòa án giải quyết cho Vtb được phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay theo pháp luật;

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn không nhất trí với khoản nợ mà Ngân hàng đưa ra và đề nghị Vtb làm rõ phần nợ đã trả và hiện nay nợ gốc, lãi, lãi phạt

còn bao nhiêu trên giá trị tài sản bảo đảm đang thế chấp. Đối với yêu cầu bên thế chấp trả nợ thay của Vtb ông H đồng ý nếu có thỏa thuận giữa ba bên. Về xử lý tài sản thế chấp ông H đề nghị giữ lại 03 tài sản của ông H, bà M, tài sản của ông Q và tài sản của ông H, bà H tại thành phố U B, còn lại đồng ý xử lý theo quy định. Ông H cũng đề nghị nguyên đơn xóa các khoản tiền lãi, lãi phạt. Về án phí và chi phí tố tụng ông H đề nghị mỗi bên chịu một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lời khai trình bày: bà Ngô Thị H không đồng ý trả nợ thay bị đơn, bà yêu cầu định giá lại tài sản thế chấp vì theo bà số tiền Vtb cho vay là vượt quá giá trị thực của tài sản thế chấp, ngoài ra bà đề nghị nguyên đơn giãn thời gian và kéo dài thời gian trả nợ trong vòng 05 năm; ông Lê Mạnh Q không đồng ý trả nợ thay bị đơn, ông yêu cầu Công ty H H phải trả lại tài sản thế chấp đã mượn của ông; bà Bùi Thị Thúy M thừa nhận có thể chấp tài sản của mình cho Vtb để đảm bảo khoản vay của Công ty H H, tuy nhiên bà không đồng ý trả nợ thay bị đơn; bà Bùi Thị M và chồng là ông Ngô Kháng H có thể chấp tài sản của mình cho Vtb để đảm bảo khoản vay của Công ty H H, tuy nhiên bà không thấy ngân hàng thẩm định tài sản là bao nhiêu, cho vay bao nhiêu, theo bà cán bộ ngân hàng đã tự ý nâng khống giá trị tài sản để giá trị vay được lớn, đến nay đối với việc đòi nợ của nguyên đơn, quan điểm của bà là đề nghị bỏ toàn bộ phần lãi và giảm một phần nợ gốc để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Bà cũng không chấp nhận trả nợ thay bị đơn và không đồng ý phát mại tài sản thế chấp. Về án phí và chi phí tố tụng bà đề nghị nguyên đơn phải chịu.

[2.2] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải: Chủ sở hữu Công ty H H (trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/8/2018) và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Việt H có lời khai trình bày: ông H là chủ sở hữu Công ty H H, trước đây Công ty có vay vốn của Vtb để kinh doanh khoáng sản, tuy nhiên do hoạt động kinh doanh khó khăn nên Công ty H H không có tiền trả nợ ngân hàng. Ông không nhất trí với khoản nợ và lãi mà Ngân hàng đưa ra yêu cầu Công ty trả nợ và đề nghị Vtb làm rõ phần nợ đã trả và hiện nay nợ gốc, lãi, lãi phạt còn bao nhiêu trên giá trị tài sản bảo đảm đang thế chấp. Đối với yêu cầu bên thế chấp trả nợ thay của Vtb ông H đồng ý nếu có thỏa thuận giữa ba bên. Về xử lý tài sản thế chấp ông H đề nghị giữ lại 03 tài sản của ông H, bà M, tài sản của ông Q và tài sản của ông H, bà H tại thành phố U B, còn lại đồng ý xử lý theo quy định. Ông H cũng đề nghị nguyên đơn xóa các khoản tiền lãi, lãi phạt. Về án phí và chi phí tố tụng ông H đề nghị mỗi bên chịu một nửa; bà Ngô Thị H có lời khai trình bày: vào thời điểm thế chấp tài sản, bà H là vợ ông H, vì tạo điều kiện và tin tưởng chồng nên bà đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản với Vtb, nay bà không đồng ý trả nợ thay bị đơn, bà yêu cầu định giá lại tài sản thế chấp vì theo bà số tiền Vtb cho vay là vượt quá giá trị thực của tài sản thế chấp, ngoài ra bà đề nghị nguyên đơn giãn thời gian và kéo dài thời gian trả nợ trong vòng 05 năm; ông Lê Mạnh Q có lời khai trình bày: ông không đồng ý trả nợ thay bị đơn, ông yêu cầu Công ty H H phải trả lại tài sản thế chấp đã mượn của ông; bà Bùi Thị Thúy M có lời khai trình bày: bà M thừa nhận có thể chấp tài sản của mình cho Vtb để đảm bảo khoản vay của Công ty H H, tuy nhiên bà không đồng ý trả nợ thay bị đơn; bà Bùi Thị M có lời khai trình bày: bà và chồng là ông Ngô Kháng H có thể chấp tài sản của mình cho

Vtb để đảm bảo khoản vay của Công ty H H, tuy nhiên bà không thấy ngân hàng thẩm định tài sản là bao nhiêu, cho vay bao nhiêu, theo bà cán bộ ngân hàng đã tự ý nâng không giá trị tài sản để giá trị vay được lớn, đến nay đối với việc đòi nợ của nguyên đơn, quan điểm của bà là đề nghị bỏ toàn bộ phần lãi và giảm một phần nợ gốc để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Bà cũng không chấp nhận trả nợ thay bị đơn và không đồng ý phát mại tài sản thế chấp. Về án phí và chi phí tố tụng bà đề nghị nguyên đơn phải chịu.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th, ông Hoàng Văn D và ông Ngô Kháng H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến tòa án làm việc, cho nên không có lời khai.

Yêu cầu này của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận bởi các căn cứ sau:

[2.2.1] Sau khi ký kết hợp đồng và các Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Vtb đã giải ngân số tiền là 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng), thời hạn vay là 06 tháng theo từng giấy nhận nợ và giấy nhận nợ cuối cùng là ngày 07/01/2014. Như vậy, khoản vay của Công ty TNHH một thành viên H H đến ngày 07/7/2014 đã hết thời hạn trả toàn bộ khoản vay nên khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu buộc Công ty TNHH một thành viên H H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng năm 2013, do Công ty TNHH một thành viên H H đã trả được một phần nợ gốc số tiền là 5.648.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải chấp một số tài sản thế chấp và đã gia hạn thời hạn duy trì hạn mức cho vay cho Công ty H H đến ngày 05/3/2014 thay vì ngày 31/10/2013, nhưng kể từ đó đến nay, khoản vay phát sinh nợ quá hạn gốc và lãi liên tiếp. Sau rất nhiều lần đôn đốc, Công ty không trả được hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, số tiền thanh toán không đủ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khoản vay vẫn bị quá hạn liên tiếp. Việc Công ty TNHH một thành viên H H không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng theo hạn mức đã ký kết. Vì vậy, Công ty TNHH một thành viên H H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP C th Việt Nam.

[2.2.2] Đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn (lãi phạt) trên, Hội đồng xét xử thấy Ngân hàng đã tính đúng và đủ theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng theo hạn mức kèm theo giấy nhận nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời cần buộc Công ty TNHH một thành viên H H tiếp tục phải trả lãi các khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 19/12/2018 cho đến khi Công ty TNHH một thành viên H H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo hạn mức đã ký. Vì vậy, Công ty TNHH một thành viên H H phải trả các khoản lãi cho Ngân hàng TMCP C th Việt Nam.

[2.2.3] Các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký việc thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hợp đồng trên các bên đương sự tự nguyện ký kết theo sự thỏa thuận của các bên, các hợp đồng đã có hiệu lực và được các bên triển khai thực hiện. Nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Vì vậy, yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C th Việt Nam là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, buộc Công ty TNHH một thành viên H H phải trả Ngân hàng TMCP C th Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trên đến ngày 18/12/2018 là: 17.187.411.114 đồng (trong đó nợ gốc 9.352.000.000 đồng; tiền lãi 5.383.552.625; lãi phạt (lãi phạt phần nợ gốc quá hạn) 2.451.858.489 đồng) và sẽ chịu toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí khác phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi Công ty TNHH một thành viên H H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đề nghị giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn phải chịu 14.000.000^d (*mười bốn triệu đồng*). Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 14.000.000^d (*mười bốn triệu đồng*).

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn là Công ty TNHH một thành viên Hà Hải phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể Công ty TNHH một thành viên H H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là $112.000.000đ + (0,1\% \times 13.187.411.114 đ = 13.187.411đ) = 125.187.411đ$ (*một trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm mười một đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 342; Điều 434; khoản 5, khoản 7 Điều 351; Điều 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 715; Điều 721 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C th Việt Nam.

2. Buộc Công ty TNHH một thành viên H H phải trả cho Ngân hàng TMCP C th Việt Nam toàn bộ số tiền tính đến ngày 18/12/2018 là: 17.187.411.114 đồng (*mười bảy tỉ một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm mười bốn đồng*) (Trong đó nợ gốc 9.352.000.000 đồng; tiền lãi 5.383.552.625; lãi phạt (lãi phạt phần nợ gốc quá hạn) 2.451.858.489 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH một thành viên H H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng theo phương thức hạn mức số 12.10.0032/HĐTD ngày 31/10/2012, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 01/VBSĐBS ngày 20/3/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 02/VBSĐBS ngày 25/4/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 03/VBSĐBS ngày 07/5/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 04/VBSĐBS ngày 04/6/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng 12.10.0032/HĐTD, số 05/VBSĐBS ngày 07/11/2013, Văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 12.10.0032/HĐTD, số 06/VBSĐBS ngày 14/12/2013, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH một thành viên H H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP C th Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.A032/HTĐC ngày 29/10/2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.A032/HTĐC, ngày 29/10/2012, số 01/VBSĐBS ngày 22/3/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.C032/HTĐC ngày 29/10/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1310.I005/HTĐC ngày 10/4/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.D032/HTĐC ngày 29/10/2012; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.D032/HTĐC ngày 29/10/2012, số 01/VBSĐBS ngày 22/3/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1210.F032/HTĐC ngày 27/12/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1310.F005/HTĐC ngày 07/5/2013; để đảm bảo thi hành án. Nếu Công ty TNHH một thành viên H H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP C th Việt Nam có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

Công ty TNHH một thành viên H H phải chịu 14.000.000^d (mười bốn triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP C th Việt Nam đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Công ty TNHH một thành viên H H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C th Việt Nam số tiền 14.000.000^d (mười bốn triệu đồng).

Buộc Công ty TNHH một thành viên H H phải chịu 125.187.411 (một trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm mười một đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP C th Việt Nam 61.951.000 đồng (sáu mươi một triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000309 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- THADS thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định